

DỰ THẢO

BÁO CÁO CHÍNH TRỊ
của Ban Chấp hành Đảng bộ Trường lần thứ XXI, nhiệm kỳ 2020 - 2025
trình Đại hội Đảng bộ Trường lần thứ XXII, nhiệm kỳ 2025 - 2030

CHỦ ĐỀ ĐẠI HỘI

Nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng; đẩy mạnh thực hiện tự chủ, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo và hội nhập quốc tế trên các mặt hoạt động; tập trung nguồn lực để phát triển thành đại học vùng vào năm 2030.

PHƯƠNG CHÂM ĐẠI HỘI

Đoàn kết - Trách nhiệm - Dân chủ - Đổi mới

PHẦN MỞ ĐẦU

Nhiệm kỳ 2020 - 2025 diễn ra trong bối cảnh cả hệ thống chính trị từ trung ương đến địa phương và tỉnh Khánh Hòa tập trung thực hiện các Nghị quyết quan trọng, có tính chiến lược của Trung ương: Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII; Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng nhu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị quyết 36-NQ/TW về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 09-NQ/TW, ngày 28/01/2022 của Bộ Chính trị về xây dựng, phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4, chuyển đổi số diễn ra mạnh mẽ, đặc biệt là đại dịch Covid-19 đã tác động sâu sắc đến kinh tế, xã hội, chính trị trong nước và quốc tế. Khu vực duyên hải Nam Trung bộ mặc dù gặp nhiều khó khăn do đại dịch, nhưng có sự phục hồi về kinh tế, xã hội và đang trên đà phát triển. Tỉnh Khánh Hòa tập trung phát triển thành trung tâm dịch vụ, du lịch biển quốc tế; là một cực tăng trưởng, trung tâm của khu vực duyên hải Nam Trung bộ, Tây Nguyên và cả nước về kinh tế biển, công nghiệp công nghệ cao, khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, đào tạo nguồn nhân lực và chăm sóc sức khỏe chất lượng cao.

Nhà nước tiếp tục đẩy mạnh giao quyền tự chủ và yêu cầu ngày càng cao đối với công tác bảo đảm chất lượng, kiểm định chất lượng giáo dục đại học. Hoạt động đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp và chuyển đổi số trong giáo dục đại học được quan tâm và bước đầu có

chuyển biến tích cực. Hợp tác và cạnh tranh giữa các trường đại học, viện nghiên cứu về đào tạo và nghiên cứu diễn ra sôi động. Hợp tác giữa trường đại học với doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế, xã hội ngày càng được khuyến khích và đi vào chiều sâu. Hợp tác quốc tế về nghiên cứu và đào tạo đại học ngày một sâu rộng.

Trường Đại học Nha Trang, với sứ mệnh nghiên cứu khoa học, đào tạo nhân lực trình độ cao và chuyển giao tri thức đa lĩnh vực, chú trọng phát huy thế mạnh lĩnh vực khoa học - công nghệ biển và thủy sản, tập trung thực hiện chiến lược phát triển đến năm 2025 với mục tiêu trở thành trường đại học đa lĩnh vực, nằm trong nhóm các trường dẫn đầu về lĩnh vực thủy sản của Việt Nam.

Phần thứ nhất
KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TRƯỜNG LẦN THỨ XXI,
NHIỆM KỲ 2020 - 2025

I. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ

1.1. Công tác chính trị và tư tưởng, dân vận và đoàn thể, quốc phòng và an ninh

Đầu nhiệm kỳ, Đảng ủy xây dựng và chỉ đạo các chi bộ xây dựng Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Nhà trường khóa XXI, Đại hội Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa khóa XVIII, Đại hội Đảng toàn quốc khóa XIII và các Nghị quyết chuyên đề trên các mặt công tác. Hàng năm, cụ thể hóa thành kế hoạch công tác năm, triển khai thực hiện, kiểm tra và đánh giá việc thực hiện.

Đảng ủy thường xuyên chỉ đạo chính quyền và các tổ chức đoàn thể đổi mới, đa dạng hóa công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt, triển khai thực hiện đầy đủ các nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước và công tác thông tin, tuyên truyền nội bộ về nội quy, quy chế, các mặt hoạt động của Nhà trường cho toàn thể đảng viên, viên chức, người lao động và SV.

Đảng ủy lãnh đạo, chính quyền và các tổ chức đoàn thể đã chủ động, phối hợp thực hiện hiệu quả Quy chế dân chủ cơ sở. Hiệu trưởng định kỳ đối thoại với toàn thể viên chức, người lao động và SV; cấp ủy, lãnh đạo Trường và lãnh đạo các đơn vị, tổ chức đoàn thể gặp, trao đổi (khi cần thiết, khi có nhu cầu) với đảng viên, viên chức, người lao động và SV về các chủ trương, quy định, tình hình của Nhà trường, kịp thời giải quyết nguyện vọng hợp pháp, chính đáng của viên chức, người lao động, SV.

Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng được Đảng ủy, cấp ủy, lãnh đạo Nhà trường và các đơn vị, tổ chức đoàn thể quan tâm, thực hiện hiệu quả. Công tác học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn với thực hiện phong trào thi đua “Dân vận khéo” trên các mặt công tác được Đảng ủy xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện bằng các công việc cụ thể theo chuyên đề của từng năm.

Đảng ủy lãnh đạo thường xuyên công tác quốc phòng và an ninh của Nhà trường; chỉ đạo tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện các nghị quyết, quy định của Đảng, Nhà nước về công tác quốc phòng và an ninh. Hàng năm tổ chức huấn luyện tự vệ với kết quả tốt.

1.2. Công tác tổ chức Đảng và đảng viên

Đảng ủy đã xây dựng, triển khai thực hiện trong toàn Đảng bộ Kế hoạch thông tin, tuyên truyền công tác tổ chức, xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị; xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện các đợt sinh hoạt chính trị, tư tưởng theo kế hoạch, hướng dẫn của Tỉnh ủy Khánh Hòa và Trung ương.

Công tác xây dựng Đảng bộ, chi bộ trong sạch, vững mạnh được quan tâm¹, sinh hoạt của Đảng ủy được duy trì thường xuyên với chất lượng tốt; sinh hoạt định kỳ và sinh hoạt chuyên đề của các chi bộ, công tác đánh giá, xếp loại tổ chức đảng và đảng viên được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định (hàng năm, Đảng bộ đều được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ, 80% chi bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, không có chi bộ không hoàn thành nhiệm vụ). 100% đảng viên đã cài đặt và sử dụng ứng dụng "Sổ tay đảng viên".

Công tác quy hoạch, đào tạo, quản lý cán bộ được Đảng ủy quan tâm, chỉ đạo thực hiện thường xuyên. Trong nhiệm kỳ, đã cử 11 đồng chí học Cao cấp lý luận chính trị, 60 đồng chí học Trung cấp lý luận chính trị, 50 đồng chí tham gia các lớp bồi dưỡng, cập nhật kiến thức mới. Hoàn thành công tác quy hoạch, rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp thuộc Trường nhiệm kỳ 2020 - 2025, 2025 - 2030².

Để nâng cao chất lượng công tác phát triển đảng viên, Đảng ủy đã ban hành Nghị quyết số 08-NQ/ĐU, ngày 05/7/2021 về nâng cao chất lượng đảng viên và phát triển Đảng; Hướng dẫn số 03-HD/ĐU, ngày 21/9/2021 về công tác phát triển đảng viên. Trong nhiệm kỳ, Đảng ủy đã mở 04 lớp đối tượng kết nạp Đảng và 04 lớp đảng viên mới, kết nạp 220 đảng viên mới (Tỉnh ủy Khánh Hòa giao 150 chỉ tiêu)³.

1.3. Công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật

Đảng ủy, Ủy ban Kiểm tra đã xây dựng và ban hành Quy trình kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng, giải quyết tố cáo của chi bộ trực thuộc Đảng ủy Trường; Hướng dẫn

¹ Đảng ủy ban hành Hướng dẫn số 02-HD/ĐU, ngày 21/9/2021 về thực hiện nhiệm vụ của chi bộ; quan hệ của chi bộ với trường đơn vị và các đoàn thể; nội dung sinh hoạt chi bộ thường kỳ, sinh hoạt chuyên đề.

² 11 đồng chí học Cao cấp lý luận chính trị, trong đó 10 đồng chí đã được cấp bằng. 60 đồng chí học Trung cấp lý luận chính trị, trong đó 52 đồng chí đã được cấp bằng. Hiện nay, Đảng bộ có 37 đồng chí được đào tạo Cao cấp lý luận chính trị, 90 đồng chí được đào tạo Trung cấp lý luận chính trị; có 98,6% viên chức quản lý đạt trình độ Trung cấp lý luận chính trị trở lên. 50 đồng chí tham gia các lớp bồi dưỡng, cập nhật kiến thức mới, gồm: 06 đồng chí trong Ban Thường vụ Đảng ủy, Ban Giám hiệu tham gia lớp bồi dưỡng, cập nhật kiến thức dành cho cán bộ, lãnh đạo quản lý thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý; 22 đồng chí Bí thư, Phó Bí thư chi bộ tham gia lớp bồi dưỡng cấp ủy do Trường Chính trị tỉnh Khánh Hòa tổ chức; 07 đồng chí thuộc diện quy hoạch Ban Thường vụ tham gia lớp bồi dưỡng cán bộ nguồn quy hoạch Ban Thường vụ do Trường Chính trị tỉnh Khánh Hòa tổ chức; 15 đồng chí tham gia bồi dưỡng kiến thức an ninh, quốc phòng đối tượng 2 và đối tượng 3.

Rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp thuộc Trường nhiệm kỳ 2020 - 2025; xây dựng quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp thuộc Trường nhiệm kỳ 2025 - 2030; rà soát, bổ sung quy hoạch Đảng ủy nhiệm kỳ 2020 - 2025 và quy hoạch nhiệm kỳ 2025 - 2030; quy hoạch Bí thư, Phó Bí thư chi bộ nhiệm kỳ 2022 - 2025; quy hoạch Bí thư, Phó Bí thư, chi ủy viên chi bộ nhiệm kỳ 2025 - 2027. Hoàn thành bổ sung ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy.

³ Hàng năm, Đảng ủy tổ chức các lớp đối tượng kết nạp Đảng và đảng viên mới. Trong nhiệm kỳ đã mở 04 lớp đối tượng đảng, với 765 quần chúng ưu tú tham gia; 04 lớp đảng viên mới, với 124 đảng viên dự bị tham gia, chưa tính năm 2024, sau khi có số lượng sẽ cập nhật).

Trong 220 đảng viên mới, có: 48 đảng viên là viên chức, người lao động và 172 đảng viên là SV; chuyển đảng chính thức cho 131 đảng viên dự bị (tính đến ngày 09/02/2025). Kết quả của công tác kết nạp Đảng đã được Ban Thường vụ Tỉnh ủy Khánh Hòa ghi nhận và tặng Bằng khen. Cho ra khỏi Đảng 03 đảng viên vì lý do cá nhân và xóa tên 03 đảng viên dự bị do không đủ điều kiện.

quy trình xem xét kỷ luật đảng viên vi phạm quy định về chính sách dân số, kế hoạch hoá gia đình; Chương trình kiểm tra, giám sát toàn khóa và kế hoạch từng năm. Chỉ đạo các chi bộ xây dựng, triển khai kế hoạch kiểm tra, giám sát hàng năm theo quy định của Đảng.

Đảng ủy tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước; việc chấp hành nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt Đảng, quy chế làm việc của Đảng ủy, chi ủy; việc tu dưỡng, rèn luyện phẩm chất đạo đức cá nhân, nhất là của người đứng đầu; việc khắc phục những hạn chế, khuyết điểm của tập thể, cá nhân trong thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI, khóa XII, khóa XIII) và kiểm điểm tự phê bình, phê bình hàng năm.

Đảng ủy đã kiện toàn Ủy ban kiểm tra Đảng ủy, cử cán bộ Ủy ban kiểm tra tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ về công tác kiểm tra, giám sát, xử lý kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên vi phạm do Tỉnh ủy và Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy tổ chức; tổ chức Hội nghị Tập huấn công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng, giải quyết tố cáo cho các đồng chí cấp ủy viên chi bộ.

Trong nhiệm kỳ, Đảng ủy đã giám sát và làm việc với 22/22 chi bộ trực thuộc về công tác xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện chương trình công tác sau đại hội chi bộ nhiệm kỳ 2020 - 2022, 2022 - 2025. Hàng năm, kiểm tra thực hiện Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Trường; kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật trong Đảng, tài chính Đảng; giám sát chuyên đề các chi bộ và đảng viên (là đảng ủy viên, trưởng đơn vị); kiểm tra đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm (01 đảng viên), kiểm tra việc thi hành kỷ luật Đảng (kỷ luật khiển trách 05 đảng viên - Chi bộ ra quyết định). Kết quả cho thấy, các chi bộ, đơn vị được kiểm tra, giám sát đã thực hiện tốt các quy định.

Công tác giải quyết tố cáo, khiếu nại, thi hành kỷ luật Đảng được thực hiện nghiêm túc, đúng nguyên tắc, quy trình, quy định và đảm bảo khách quan, chính xác, góp phần tăng cường sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng, giữ gìn kỷ luật, kỷ cương của Đảng.

2. LÃNH ĐẠO THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CHÍNH TRỊ

2.1. Công tác đào tạo và sinh viên

Công tác phát triển ngành, chuyên ngành và Chương trình đào tạo (CTĐT) phù hợp chủ trương, định hướng của Đảng về phát triển kinh tế biển cũng như nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội khu vực Duyên hải Nam Trung bộ và Tây Nguyên đạt được một số kết quả, cụ thể: Mở mới 5 ngành đào tạo trình độ tiến sĩ (TS), 2 ngành trình độ thạc sĩ (ThS) và 6 ngành trình độ đại học; phát triển 7 chuyên ngành, 1 CTĐT tiên tiến - chất lượng cao (POHE). Ngoài ra, Nhà trường đã chủ trì thực hiện xây dựng Chuẩn chương trình khối ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản ở các trình độ của giáo dục đại học. Đặc biệt, Nhà trường là đơn vị tiên phong trong hợp tác cùng doanh nghiệp để triển khai 3 CTĐT đặt hàng từ Tập đoàn Thủy sản Minh Phú trong 5 năm với tổng kinh phí khoảng 50 tỷ đồng.

Công tác tổ chức rà soát, cải tiến và cập nhật CTĐT đáp ứng nhu cầu xã hội được triển khai ở tất cả bậc và hình thức đào tạo. Trong 5 năm qua, Trường đã rà soát, cập nhật CTĐT 36 ngành đào tạo đại học (trong đó có 7 CTĐT đặc biệt), 17 ngành đào tạo ThS và 11 ngành đào tạo TS. Trong đó, từng bước thực hiện các hoạt động đánh giá học phần đáp

ứng chuẩn đầu ra (CĐR) thông qua việc xác định PI và học phần cốt lõi trong CTĐT, triển khai thí điểm đánh giá mức độ người học đáp ứng CĐR CTĐT. Thực hiện rà soát, cải tiến hoạt động dạy học, kiểm tra đánh giá trong đề cương học phần đáp ứng CĐR CTĐT, xây dựng Rubrics và ngân hàng câu hỏi.

Tổ chức quản lý và vận hành công tác đào tạo có nhiều chuyển biến tích cực. Hoạt động đào tạo trực tuyến được triển khai phù hợp với bối cảnh chuyển đổi số mạnh mẽ trong giáo dục, kịp thời thích ứng với tình hình phức tạp của đại dịch Covid-19 trong giai đoạn 2020 - 2022. Đẩy mạnh khai thác hệ thống NTU E-learning và ứng dụng công nghệ số trong đào tạo nói chung và Tuần học số nói riêng. Bên cạnh đó, công tác quản lý CTĐT, học phần từng bước được số hóa; hệ thống văn bản, chính sách phục vụ quản lý đào tạo và công tác sinh viên (SV) cơ bản hoàn thiện để phù hợp với quy định của Nhà nước và thực tiễn vận hành ở Trường. Ngoài ra, Nhà trường đã tổ chức nhiều hoạt động chính khóa và ngoại khóa để nâng cao kỹ năng mềm nói chung và năng lực sử dụng ngoại ngữ (tiếng Anh) nói riêng. Đặc biệt, hợp tác với 7 cơ sở giáo dục đại học và chủ trì triển khai hiệu quả chương trình trao đổi SV, công nhận tín chỉ lẫn nhau (hơn 250 lượt SV tham gia trong giai đoạn 2022 - 2024); liên kết đào tạo hình thức vừa làm, vừa học với 15 cơ sở đào tạo trên toàn quốc.

Công tác tư vấn hướng nghiệp, quảng bá và tuyển sinh có nhiều đổi mới giúp công tác tuyển sinh đạt kết quả tốt. Đa dạng hóa hoạt động quảng bá tuyển sinh, trong đó ưu tiên quảng bá trực tuyến bằng các ấn phẩm quảng bá ngày càng chuyên nghiệp trên các nền tảng mạng xã hội và hỗ trợ tốt cho quảng bá trực tiếp. Tất cả các khâu trong tuyển sinh được triển khai 100% online. Tuyển sinh đại học hệ chính quy giai đoạn 2021 - 2024 đạt/vượt chỉ tiêu đề ra (trung bình 3.700 SV/ năm, tăng bình quân 8%/ năm). Tuyển sinh đào tạo trình độ TS từ đạt từ 29 đến 100% chỉ tiêu, ThS từ 68 đến 100% chỉ tiêu trong các năm học của giai đoạn này.

Hoạt động hỗ trợ người học được quan tâm thực hiện bằng nhiều hình thức khác nhau, trong đó tập trung vào hoạt động hỗ trợ SV học tập các môn học đại cương, tăng cường hoạt động trải nghiệm, kiến tập; tạo điều kiện tham gia các sinh hoạt học thuật, văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao⁴.

2.2. Công tác khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Đảng ủy đã bám sát Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ và cấp trên, tập trung chỉ đạo đơn vị chức năng xác định hướng nghiên cứu chiến lược, mũi nhọn và liên ngành, gắn với thế mạnh của Nhà trường. Công tác hỗ trợ viên chức và phối hợp với các đơn vị được tăng cường, góp phần thúc đẩy nghiên cứu khoa học gắn với thực tiễn. Đã xây dựng cơ chế phối hợp giữa các đơn vị nhằm tạo thuận lợi cho việc thẩm định, xét duyệt, triển khai và thanh, quyết toán kinh phí.

⁴ Kết quả, SV Nhà trường đạt một số giải thưởng lớn trong các cuộc thi, như: Giải Nhất Olympic Toán học sinh, SV toàn quốc lần thứ 30; giải Nhì cuộc thi SV 2020 toàn quốc khu vực Miền Trung - Tây Nguyên, giải Nhì Cuộc thi Thử thách cùng ERP 2020 (ERP Simulation Games 2020), giải Nhì cuộc thi “Tài năng trẻ Logistics Việt Nam 2020”, trong nhóm 15 dự án khởi nghiệp quốc gia năm 2020.

Nhà trường đã rà soát, bổ sung và xác định các hướng nghiên cứu ưu tiên, tập trung vào các lĩnh vực thủy sản và khoa học công nghệ biển. Một số chương trình nghiên cứu trọng điểm, liên ngành được xây dựng và triển khai, gắn với cơ chế, chính sách hỗ trợ nhóm nghiên cứu. Trường đã thành lập mới 02 nhóm nghiên cứu chuyên sâu về sinh lý, dinh dưỡng, chọn giống thủy sản và quản lý tài nguyên biển; triển khai 01 chương trình khoa học công nghệ (KHCHN) cấp Bộ với 8 đề tài liên quan. Giai đoạn 2020 - 2024, đã thực hiện 171 nhiệm vụ KHCHN về khoa học công nghệ biển và thủy sản, chiếm 32,76% tổng số đề tài. Kết quả này đã khẳng định vai trò tiên phong của Nhà trường trong nghiên cứu phục vụ phát triển kinh tế biển.

Nhà trường đã đẩy mạnh kết nối với các bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp, tổ chức nghiên cứu trong nước và quốc tế, đặc biệt là tỉnh Khánh Hòa, nhằm thúc đẩy nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và đổi mới sáng tạo gắn với thực tiễn. Đơn vị chức năng chủ động đổi mới hình thức làm việc, tổ chức các đoàn công tác và phối hợp với Sở KHCHN cùng doanh nghiệp để nắm bắt nhu cầu thực tế, triển khai các hướng nghiên cứu ưu tiên về thủy sản và kinh tế biển. Hằng năm, giảng viên tích cực đăng ký các đề tài cấp tỉnh, cấp Bộ, Quỹ NAFOSTED và của các tổ chức quốc tế ở Nhật Bản, Hàn Quốc, Hoa Kỳ. Trong nhiệm kỳ, Trường triển khai 1 chương trình KHCHN cấp Bộ với 8 đề tài liên ngành, 3 hợp đồng nghiên cứu quốc tế, 1 nhiệm vụ hợp tác theo Nghị định thư với Vương Quốc Anh. Vingroup tài trợ nhiều nhiệm vụ nghiên cứu, học bổng và đào tạo sau TS, đồng thời hỗ trợ phần mềm SAP cho SV khởi nghiệp. Dự án nghiên cứu bảo tồn rừng ngập mặn được Đại sứ quán Hoa Kỳ tài trợ. Các hoạt động này góp phần nâng cao hiệu quả nghiên cứu và đáp ứng mục tiêu phát triển kinh tế biển.

Đảng ủy đã chỉ đạo rà soát, bổ sung chính sách hỗ trợ các nhóm nghiên cứu, thúc đẩy hoạt động KHCHN của viên chức và người học. Ưu tiên triển khai các nhiệm vụ gắn với đào tạo cao học, nghiên cứu sinh (NCS), SV tốt nghiệp, đồng thời chú trọng phát triển tài sản trí tuệ. Kế hoạch phát triển KHCHN và đổi mới sáng tạo giai đoạn 2021 - 2025 (Nghị quyết số 17/NQ-ĐHNT) được hoàn thiện và triển khai hiệu quả. Các đơn vị đã cụ thể hóa chỉ tiêu KHCHN, đổi mới sáng tạo hàng năm, ký cam kết thực hiện kế hoạch chiến lược, góp phần nâng cao vị thế Nhà trường trong lĩnh vực nghiên cứu và đổi mới sáng tạo.

Những năm gần đây, phong trào nghiên cứu khoa học của giảng viên và SV có bước phát triển mạnh. Nhà trường ban hành nhiều chính sách hỗ trợ thiết thực, tạo điều kiện thuận lợi để giảng viên và SV tham gia nghiên cứu. Giảng viên đạt nhiều thành tích tại các hội thi sáng tạo kỹ thuật cấp tỉnh và toàn quốc, trong đó nổi bật là giải Ba tại Hội thi sáng tạo kỹ thuật tỉnh Khánh Hòa lần thứ X (2022 - 2023), giải A Hội thi sáng tạo kỹ thuật trong đoàn viên công đoàn năm 2023. SV tích cực tham gia giải thưởng Eureka, đặc biệt có 1 đề tài đạt giải Nhì năm 2023.

Hệ thống hỗ trợ nghiên cứu được mở rộng với Hội nghị SV nghiên cứu khoa học, học phần Khởi nghiệp - đổi mới sáng tạo và không gian khởi nghiệp. Giai đoạn 2020 - 2024, giảng viên và SV đã triển khai 457 đề tài nghiên cứu khoa học (174 đề tài cấp trường của giảng viên và 283 đề tài của SV), cùng nhiều thành tựu nổi bật về tài sản trí tuệ, với 6 sáng

chế được cấp văn bằng và 3 sáng chế được chấp nhận đơn hợp lệ. Nghiên cứu khoa học dần khẳng định vai trò là động lực thúc đẩy sự phát triển của Nhà trường.

Các phòng chức năng đã phối hợp với các khoa/ viện tổ chức thường xuyên các hội thảo, hội nghị khoa học, thu hút sự tham gia của các doanh nghiệp, chuyên gia và học giả trong nước, quốc tế. Đặc biệt, các hội thảo về thủy sản và kinh tế biển nhận được sự phối hợp chặt chẽ từ Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Sở KH-CN các tỉnh ven biển, các trường, viện và cơ quan quản lý trên cả nước. Trong nhiệm kỳ, Trường đã tổ chức thành công nhiều hội thảo khoa học, tiêu biểu như: Hội thảo Câu lạc bộ khoa học các trường đại học kỹ thuật lần thứ 56, ICSS 2021, GTSD 2022, Vietesol 2022, MSDI 2023, ICAEFM 2023 và ISDS 2024, với sự tham gia của đông đảo chuyên gia quốc tế và giảng viên trong trường, góp phần nâng cao vị thế học thuật và hợp tác nghiên cứu của Nhà trường.

Hoạt động kết nối với doanh nghiệp, tổ chức nghiên cứu uy tín được mở rộng, tạo điều kiện hỗ trợ cho các nhóm nghiên cứu tiếp cận các nguồn lực vật chất và chuyên môn. Sự phối hợp này không chỉ góp phần nâng cao giá trị thực tiễn của các đề tài nghiên cứu mà còn mở ra cơ hội chuyển giao công nghệ, phát triển các sản phẩm khoa học gắn liền với nhu cầu xã hội và nền kinh tế.

Đảng ủy đã chỉ đạo hình thành không gian khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo trong Nhà trường và phát triển đội ngũ giảng viên nòng cốt về khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo. Trung tâm Hỗ trợ Việc làm và Khởi nghiệp được thành lập, tạo môi trường kết nối SV với các doanh nghiệp, tổ chức trong và ngoài nước, đồng thời tổ chức không gian trưng bày sản phẩm khởi nghiệp, thu hút hàng trăm dự án và sản phẩm sáng tạo.

Nhà trường tổ chức các cuộc thi khởi nghiệp hàng năm, nổi bật là cuộc thi “Ý tưởng khởi nghiệp NTU” với sự tham gia đông đảo của SV. Học phần Khởi nghiệp - đổi mới sáng tạo được đưa vào CTĐT chính thức, kết hợp hoạt động trải nghiệm thực tế, giao lưu với doanh nhân và tham quan các mô hình khởi nghiệp. Giai đoạn 2021 - 2025, học phần này đã được triển khai với quy mô tăng dần, thu hút hàng nghìn SV tham gia.

2.3. Công tác hợp tác đối ngoại và phục vụ cộng đồng

Công tác hợp tác đối ngoại và phục vụ cộng đồng tiếp tục được Đảng ủy quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và đạt nhiều thành tựu quan trọng, đóng góp to lớn vào việc nâng cao chất lượng đội ngũ, đào tạo, nghiên cứu khoa học và hình ảnh, uy tín của Nhà trường.

Chính sách của Nhà trường về hoạt động hợp tác đối ngoại và phục vụ cộng đồng được rà soát, ban hành⁵.

Nhà trường đã thiết lập và phát triển mạng lưới hợp tác với nhiều trường đại học/ viện nghiên cứu uy tín trên thế giới, các tổ chức chính phủ, phi chính phủ, các cá nhân có liên quan đến các chuyên ngành đào tạo, nghiên cứu của Trường. Giai đoạn từ 2020 đến nay, Trường đã phát triển thêm hơn 40 đối tác mới (trong đó, có 2 đối tác hợp tác chiến lược), trong đó, các hợp tác với Đài Loan, Hàn Quốc, Hoa Kỳ, Pháp, Đức, Na Uy và một số nước

⁵ Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển Nhà trường giai đoạn 2021 - 2025 về hoạt động hợp tác quốc tế; Chính sách gắn kết và phục vụ cộng đồng; Quy định về công tác truyền thông, quảng bá; Kế hoạch hợp tác quốc tế, truyền thông quảng bá, phục vụ cộng đồng hằng năm.

trong khu vực Châu Á, Châu Phi có bước phát triển nổi bật và đi vào chiều sâu với nhiều hoạt động, chương trình, dự án cụ thể.

Nhiều dự án quốc tế được triển khai đã góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng đội ngũ, cơ sở vật chất, nguồn thu và vị thế của Nhà trường, đồng thời thu hút giảng viên, SV, học viên, NCS quốc tế đến nghiên cứu, giảng dạy, học tập. Các chương trình liên kết đào tạo quốc tế theo hình thức du học bán phần và toàn phần được đẩy mạnh; hoạt động trao đổi cán bộ và SV đạt nhiều kết quả tích cực⁶.

Hoạt động hợp tác quốc tế về nghiên cứu khoa học với các trường đại học nước ngoài và tổ chức quốc tế được đẩy mạnh, các nhóm nghiên cứu tại các khoa/ viện và liên ngành đã xây dựng hơn 20 hồ sơ đề tài/ dự án nghiên cứu quốc tế, có hơn 10 dự án hợp tác nghiên cứu với các đối tác nước ngoài được triển khai, tập trung vào lĩnh vực khoa học, công nghệ và kinh tế biển. Thông qua hoạt động hợp tác này, các giảng viên của Trường đã xuất bản được nhiều bài báo quốc tế uy tín trong danh mục WoS/ Scopus, năng lực nghiên cứu của nhiều giảng viên được nâng cao.

Công tác truyền thông, quảng bá, nhận diện thương hiệu tiếp tục được đổi mới về phương pháp, hình thức và nội dung, góp phần thúc đẩy hợp tác và nâng cao hình ảnh của Nhà trường trong cộng đồng trong nước và quốc tế. Công tác truyền thông nội bộ được chú trọng; website, bản tin đối ngoại tiếng Việt và tiếng Anh tiếp tục được cải tiến; công nghệ truyền thông số mang tính thời sự, bắt kịp xu thế truyền thông mới được triển khai; các ấn phẩm, sản phẩm quảng bá và nhận diện thương hiệu Nhà trường ngày càng được trình bày phong phú, chuyên nghiệp, phù hợp với từng đối tượng; truyền thông về các hoạt động, sự kiện lớn và thành tựu nổi bật của Nhà trường được đẩy mạnh, mỗi năm có hàng trăm bài viết đăng trên website Trường và các cơ quan báo, đài Trung ương và địa phương.

Hợp tác với các doanh nghiệp ngày càng được mở rộng và đi vào chiều sâu; doanh nghiệp tham gia sâu vào hoạt động xây dựng CTĐT, giảng dạy, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, cung cấp cơ sở, điều kiện thực hành - thực tập, việc làm, cung cấp thông tin định hướng đào tạo, nghiên cứu cho Nhà trường. Từ năm 2020 đến nay, Nhà trường đã ký kết hơn 100 hợp tác với các công ty, doanh nghiệp, kết nối hợp tác với trên 200 doanh nghiệp. Bên cạnh đó, Nhà trường cũng thiết lập quan hệ hợp tác với hầu hết các địa phương, đặc biệt là các tỉnh, thành ven biển, thực hiện nhiều đề tài nghiên cứu, chuyển giao công nghệ góp phần phát triển đời sống kinh tế, xã hội của các địa phương.

⁶ Giai đoạn từ 2020 đến nay, có hơn 10 dự án quốc tế về đào tạo, nâng cao năng lực được triển khai, tiêu biểu: UNCTAD, ILP, VIETSKILL, NORHED 1 và 2, VLIR, IUU, KOICA IBS, Rừng ngập mặn, ECOVIP, DIGITAL-MOVE, DIVE, EMSIV, ASSIST, DEVICES.

Các chương trình liên kết đào tạo quốc tế tiêu biểu, như: Đào tạo đại học cho lưu học sinh Lào thuộc diện tỉnh Khánh Hòa cấp học bằng toàn phần; Chương trình thạc sỹ ngành Công nghệ thực phẩm hợp tác với các đối tác Bỉ và Việt Nam; Chương trình ThS ngành Quản trị kinh doanh và Du lịch hợp tác với AUF; Chương trình TS Kinh tế và Quản lý Tài nguyên Biển trong khuôn khổ Dự án NORHED 2 do Chính phủ Na Uy tài trợ.

Từ năm 2020 đến nay, có hơn 375 lượt SV, học viên, NCS quốc tế đến tham gia học tập dài hạn, trao đổi ngắn hạn, giao lưu tại Trường; 21 lượt giảng viên quốc tế tham gia giảng dạy ngắn hạn, dài hạn, nghiên cứu tại Trường. Nhà trường cử 260 lượt giảng viên đi giảng dạy, nghiên cứu, tham dự các khóa tập huấn, hội nghị, hội thảo, làm việc tại nước ngoài; 19 viên chức đi học NCS ở nước ngoài; 152 lượt SV tham gia các chương trình trao đổi tín chỉ, giao lưu văn hóa, tập huấn, bồi dưỡng quốc tế. Nhà trường đón hơn 100 đoàn ngoại giao, đoàn khách và tổ chức quốc tế với hơn 1.000 lượt người đến thăm và làm việc; hơn 20 hội thảo, hội nghị quốc tế có quy mô lớn được tổ chức tại Trường, thu hút hơn 2.000 lượt nhà khoa học tham gia.

Hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng tiếp tục được quan tâm, đẩy mạnh. Hoạt động tình nguyện, từ thiện xã hội vì cộng đồng nhận được nhiều sự ủng hộ, tham gia của các đơn vị, tổ chức, cá nhân trong và ngoài Trường. Các khóa tập huấn chuyên môn về kỹ thuật, tập huấn cho ngư dân nuôi trồng, chế biến, khai thác thủy sản; các khóa giảng dạy tiếng Anh miễn phí cho học sinh; các cuộc thi về môi trường, tin học, tiếng Anh, sáng tạo KHCN cấp tỉnh cho học sinh;... tiếp tục được Nhà trường tổ chức với quy mô ngày càng lớn. Hoạt động trao đổi, chia sẻ tri thức giữa Nhà trường với cộng đồng tiếp tục được quan tâm triển khai.

2.4. Công tác bảo đảm chất lượng

Chính sách bảo đảm chất lượng được công bố và cụ thể hóa trong thực hiện ở tất cả các khía cạnh công tác của Nhà trường, mỗi đơn vị và cá nhân; kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển Trường về lĩnh vực bảo đảm chất lượng giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ cần triển khai đối với các ngành/ CTĐT đạt chuẩn kiểm định được xây dựng, tổ chức thực hiện.

Hoàn thiện các quy trình, hướng dẫn và công cụ phục vụ công tác đảm bảo chất lượng bên trong, công tác kiểm định và xếp hạng theo hướng ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong quản lý, lưu trữ minh chứng, dashboard phục vụ ra quyết định. Đưa vào sử dụng phần mềm Turnitin để kiểm soát đạo văn đối với các sản phẩm học thuật trong đào tạo và nghiên cứu từ năm 2020, góp phần nâng cao ý thức và trách nhiệm về liêm chính học thuật.

Công tác kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục và xếp hạng Trường đạt một số kết quả nổi bật, cụ thể: Nhà trường đạt chuẩn kiểm định lần 3, đạt chuẩn 5 sao theo UPM, xếp hạng 46 theo VNUR năm 2025. Trên cơ sở kết quả kiểm định, Nhà trường đã xây dựng và triển khai kế hoạch cải tiến giai đoạn 2023 - 2028.

Về kiểm định CTĐT, đã thực hiện tự đánh giá, rà soát 100% CTĐT; có 25 CTĐT trình độ đại học đạt chuẩn kiểm định chất lượng của Việt Nam trong tổng số 30 ngành/ CTĐT phải kiểm định (đạt 83%), 2 chương trình: Nuôi trồng thủy sản và Công nghệ chế biến thủy sản đạt chuẩn 5 sao theo UPM. Sau khi kiểm định, các CTĐT đều được lên kế hoạch cải tiến và báo cáo giữa kỳ theo quy định nhằm không ngừng nâng cao chất lượng.

Nhà trường chú trọng phát triển đội ngũ làm công tác bảo đảm chất lượng trong nước và quốc tế, từng bước nâng cao nhận thức các hoạt động bảo đảm chất lượng nói chung và công tác kiểm định nói riêng. Đến tháng 11/2024, có 13 lượt cán bộ tham gia bồi dưỡng cấp chứng chỉ, thẻ kiểm định viên trong nước và quốc tế.

2.5. Công tác quản trị, tổ chức và nhân sự

Thiết chế Hội đồng Trường nhiệm kỳ 2020 - 2025 được hoàn thiện phù hợp với quy định của Đảng và Luật Giáo dục đại học; thực hiện quy định Bí thư Đảng ủy đồng thời là Chủ tịch Hội đồng Trường; Hội đồng Trường ngày càng thực hiện đầy đủ vai trò trong quản trị Nhà trường.

Nhà trường đã xây dựng và ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động, Quy chế thực hiện dân chủ, Quy chế tài chính, Quy chế phối hợp công tác giữa Đảng ủy, Hội đồng Trường và Hiệu trưởng; xây dựng và cập nhật hệ thống văn bản quản lý nội bộ phục vụ công tác quản trị, điều hành của Nhà trường.

Nhà trường đã xây dựng và triển khai thực hiện Chiến lược phát triển Trường đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trong giai đoạn 2021 - 2025 thông qua các kế hoạch, đề án trên các mảng công tác: Đào tạo, đảm bảo chất lượng, kiểm định và xếp hạng, KHCN và đổi mới sáng tạo, hợp tác quốc tế, tự chủ, chuyển đổi số, phát triển đội ngũ, vị trí việc làm và tinh giản biên chế.

Nhà trường đã xây dựng lộ trình tái cấu trúc bộ máy để chuyển thành Đại học Nha Trang; thành lập Văn phòng trường, Phòng Thanh tra - Pháp chế; đổi tên 04 đơn vị để phù hợp với chức năng, nhiệm vụ trong tình hình mới; nâng cấp 01 đơn vị (từ Tổ CNTT lên Phòng CNTT); rà soát, sắp xếp lại các bộ môn, tổ, xưởng trại (giảm 4 bộ môn và 01 tổ). Trên cơ sở đó, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các đơn vị đã được rà soát, điều chỉnh, bổ sung đảm bảo cho sự vận hành bình thường.

Nhà trường và các đơn vị thực hiện đầy đủ, nghiêm túc Quy chế dân chủ ở cơ sở và công tác công khai, pháp chế, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nội bộ, giám sát, giải trình, đối thoại, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí.

Hệ thống vị trí việc làm được xây dựng và triển khai, bước đầu làm cơ sở cho việc tuyển dụng, giao nhiệm vụ và đánh giá viên chức, cũng như giao số lượng người làm việc cho mỗi đơn vị.

Công tác phát triển đội ngũ chuyên môn được quan tâm thông qua việc nâng cao chế độ, chính sách hỗ trợ giảng viên đi học TS, hỗ trợ giảng viên đạt phó giáo sư, giáo sư, tuyển dụng người có trình độ TS⁷.

Đội ngũ cán bộ quản lý được quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, bổ nhiệm định kỳ theo điều kiện, tiêu chuẩn và vị trí việc làm.

Đội ngũ viên chức hành chính, phục vụ được bổ sung, chuyển đổi vị trí công tác, đào tạo bồi dưỡng thường xuyên. Đến tháng 12/2024, có 1.083 lượt giảng viên, viên chức hành chính tham gia các khóa bồi dưỡng nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ.

2.6. Công tác tài chính và tài sản

Bằng nguồn vốn hợp pháp, Nhà trường đã từng bước đầu tư cơ sở vật chất phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học ở hầu hết các khoa/ viện đào tạo và các ngành thế mạnh của Trường; cải tạo, sửa chữa, nâng cấp và bổ sung trang thiết bị cho những hạng mục cấp thiết, như: Giảng đường, ký túc xá, phòng học chuyên đề, phòng làm việc cho khoa/ viện, bộ môn và giảng viên; đầu tư chống xuống cấp một số hạng mục tại trại thực nghiệm thủy sản tại Cam Ranh và Ninh Phụng.

Thực hiện Đề án ứng dụng CNTT và chuyển đổi số, Nhà trường đã đầu tư hạ tầng CNTT và chuyển đổi số trong hoạt động quản trị, quản lý góp phần nâng cao hiệu quả, hiệu suất hoạt động.

Nhà trường đã tranh thủ, đa dạng hóa các nguồn vốn đầu tư từ các địa phương và các Bộ, các nguồn lực xã hội để nâng cấp và tăng cường cơ sở vật chất. Giai đoạn 2021 - 2024, Nhà trường đã huy động từ nguồn ngân sách địa phương tỉnh Khánh Hòa, ngân sách đầu tư của nhà nước và nguồn xã hội hóa với số tiền 22,123 tỷ đồng.

Công tác quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, trang thiết bị từng bước được

⁷ Đến tháng 12/2024, số giảng viên có trình độ TS trên tổng số giảng viên của Trường là 181/450 (đạt tỷ lệ 40,2%); tỷ lệ giảng viên có chức danh giáo sư, phó giáo sư trong tổng số giảng viên có trình độ TS đạt 19,5%.

thể chế hóa thông qua các quy định và quy trình về quản lý tài sản công, điều chuyển, thanh lý tài sản và được định kỳ thanh tra, kiểm tra, giám sát.

Công tác thu, chi tài chính được thực hiện đầy đủ theo các quy định về tài chính, kế toán của nhà nước. Nhà trường đã xây dựng và triển khai thực hiện Quy chế tài chính, Quy chế chi tiêu nội bộ theo đúng quy định của pháp luật hiện hành. Nhà trường đã trích lập các quỹ theo đúng Quy chế chi tiêu nội bộ, các khoản chi từ quỹ được quản lý và sử dụng đúng mục đích, theo quy định của pháp luật và Quy chế chi tiêu nội bộ.

Đã triển khai đồng bộ các biện pháp để đảm bảo ổn định nguồn thu từ hoạt động đào tạo. Nhà trường cơ bản đã duy trì và tăng số lượng tuyển sinh bậc đại học hệ chính quy hàng năm trên cơ sở năng lực đào tạo - là cơ sở quan trọng để phát triển nguồn thu từ học phí. Nhà trường đã xây dựng mức học phí mới phù hợp với quy định của pháp luật theo hướng tăng trong điều kiện và khả năng chi trả của người học. Đã triển khai đồng bộ các giải pháp để tăng nguồn thu ngoài hoạt động đào tạo.

Giai đoạn 2020 - 2024, nguồn thu của Nhà trường có sự tăng trưởng khá, tốc độ tăng nguồn thu bình quân đạt 10,07%/ năm, trong đó nguồn thu từ đào tạo phi chính quy và nguồn thu khác (kí túc xá, dịch vụ, lãi tiền gửi, các lớp đào tạo ngắn hạn, ...) tăng nhanh.

Chế độ, chính sách đối với viên chức, người lao động được đảm bảo theo đúng quy định của Nhà nước, Nhà trường. Thu nhập của viên chức, người lao động được cải thiện⁸.

II. HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Hạn chế

Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng và đạo đức, lối sống trong viên chức và SV còn chưa có sự thuyết phục cao. Chất lượng sinh hoạt, công tác tự kiểm tra, giám sát ở một số chi bộ còn chưa thực chất.

Bộ máy tổ chức chưa tinh gọn, còn chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ ở một số đơn vị. Việc thực hiện cơ chế tự chủ, phân cấp, phân quyền gắn với trách nhiệm đến từng cấp còn chậm so với yêu cầu.

Chất lượng đào tạo chưa có nhiều cải thiện so với nhu cầu của xã hội. Một số ngành đào tạo còn khó khăn trong thu hút người học. Việc đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá người học vẫn chưa đáp ứng yêu cầu. Việc hỗ trợ và tư vấn SV còn chưa theo kịp nhu cầu ngày càng đa dạng của SV.

Hoạt động KHCN, hợp tác quốc tế, hợp tác doanh nghiệp tập trung ở một bộ phận giảng viên, nhà khoa học và một số đơn vị. Chưa có nhiều công trình KHCN có tầm cỡ, phát huy thế mạnh liên ngành và gắn kết với thực tiễn của địa phương, khu vực.

Đội ngũ giảng viên trình độ cao ở một số lĩnh vực, ngành còn mỏng; đội ngũ viên chức hành chính còn chưa chuyên nghiệp, chưa phát huy hết năng lực, tính chủ động và trách nhiệm.

⁸ Thu nhập bình quân (bao gồm tiền lương và thu nhập khác) của viên chức, người lao động năm 2020 đạt 255,27 triệu đồng/ người/ năm; năm 2021 đạt 286,34 triệu đồng/ người/ năm; năm 2022 đạt 251,85 triệu đồng/ người/ năm; năm 2023 đạt 279,79 triệu đồng/ người/ năm; năm 2024 dự kiến đạt 287,83 triệu đồng/ người/ năm. Tốc độ tăng bình quân đạt 3.52%/ năm (trong đó phụ cấp kỳ 2 được duy trì tăng 10%/ năm đến năm 2023).

Nguồn thu tài chính chưa đa dạng, vẫn chủ yếu từ học phí. Cơ chế tài chính cho các đơn vị trực thuộc chưa được thiết lập hoàn chỉnh. Chưa có sự thay đổi đáng kể trong thực hiện chi trả tiền lương, tiền công theo hướng gắn với kết quả công việc.

Cơ sở vật chất, hạ tầng CNTT và chuyển đổi số phục vụ hoạt động quản trị, đào tạo và nghiên cứu chưa đáp ứng yêu cầu.

2. Nguyên nhân của hạn chế

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, giám sát, đánh giá định kỳ việc thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XXI và các nghị quyết chuyên đề của Đảng ủy về một số nhiệm vụ trọng tâm chưa quyết liệt.

Nhận thức về công tác Đảng, tính chiến đấu, phê bình và tự phê bình của một bộ phận đảng viên còn chưa cao. Một bộ phận đảng viên, viên chức và người lao động còn có cách nghĩ, cách làm cũ, thụ động, ỷ lại, thờ ơ với công việc chung.

Chưa có chính sách đủ mạnh để thu hút, bồi dưỡng, tạo động lực để xây dựng đội ngũ nhà giáo, viên chức quản lý gắn bó với công việc.

Đầu tư nhà nước hạn chế, chi thường xuyên bị cắt giảm, suất đầu tư trên đầu SV còn thấp nên không đủ nguồn lực cho đầu tư, nâng cấp các điều kiện về cơ sở vật chất phục vụ đào tạo, nghiên cứu và phục vụ cộng đồng.

Đại dịch Covid-19, hệ thống pháp lý của Nhà nước chưa đầy đủ và đồng bộ nhất là về lĩnh vực nhân sự, tài chính và tài sản gây không ít khó khăn cho việc thực hiện nhiệm vụ của Nhà trường.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Đánh giá chung

Vai trò lãnh đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền và cán bộ lãnh đạo tiếp tục được phát huy; các hoạt động của Nhà trường ngày càng công khai, minh bạch và dân chủ; truyền thống đoàn kết được củng cố và phát huy. Các mục tiêu chủ yếu đề ra trong nhiệm kỳ về cơ bản đạt được. Nhà trường tiếp tục duy trì ổn định và phát triển, có nhiều đổi mới trong công tác đào tạo và SV, KHCN, hợp tác đối ngoại, phục vụ cộng đồng, bảo đảm và kiểm định chất lượng. Quy mô đào tạo được giữ vững, cơ cấu ngành đào tạo được điều chỉnh, CTĐT tiếp tục được đa dạng hóa thích ứng với nhu cầu xã hội; các hoạt động hỗ trợ SV ngày càng phong phú, thiết thực; hoạt động hợp tác trong và ngoài nước được đa dạng hóa; hoạt động gắn kết, phục vụ cộng đồng, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp được đẩy mạnh; cảnh quan môi trường khang trang, xanh, sạch; Nhà trường được công nhận kiểm định chất lượng lần thứ ba năm 2023 và xếp hạng 5 sao theo UPM năm 2024. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được vẫn còn một số hạn chế như đã chỉ ra.

2. Bài học kinh nghiệm

Vận dụng sáng tạo chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào thực tiễn; phát huy tinh thần đoàn kết, trách nhiệm, dân chủ và đổi mới; đề cao tính chủ động, sáng tạo của mỗi đơn vị, tổ chức đoàn thể, đảng viên, viên chức, người lao động và người học là cơ sở tạo sự ổn định, phát triển của Nhà trường.

Trong lãnh đạo, chỉ đạo cần xác định rõ mục tiêu, định hướng lớn; có trọng tâm, trọng điểm, phân công, phân nhiệm rõ ràng; phát huy vai trò tập thể lãnh đạo gắn với trách nhiệm người đứng đầu; giám sát, kiểm tra, đánh giá kịp thời và đảm bảo nguyên tắc tập trung dân chủ.

Phần thứ hai **PHƯƠNG HƯỚNG, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP** **NHIỆM KỲ 2025 - 2030**

DỰ BÁO TÌNH HÌNH

Nhiệm kỳ 2025 - 2030 dự báo sẽ diễn ra trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, chuyển đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo, chuyển đổi xanh, quốc tế hoá tiếp tục diễn ra mạnh mẽ và sâu rộng.

Hệ thống đại học tập trung triển khai thực hiện Kết luận 91-KL/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW về đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng nhu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; Nghị quyết 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển KH-CN, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; Quyết định số 1705/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Quyết định số 452/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và sự phạm thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo đó Trường Đại học Nha Trang được Nhà nước đầu tư, nâng cấp để trở thành Đại học vùng.

Hệ thống đại học tiếp tục đổi mới theo hướng tự chủ, quản trị tiên tiến và hội nhập quốc tế, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và phát triển bền vững. Xu hướng gắn kết liên ngành, gắn kết với doanh nghiệp trong đào tạo, nghiên cứu và đổi mới sáng tạo được đẩy mạnh. Nhà nước chuyển từ hỗ trợ tài chính theo cơ chế cấp phát bình quân sang cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ theo kết quả đầu ra; thực hiện phân bổ ngân sách chi sự nghiệp KH-CN tương xứng với năng lực và kết quả hoạt động KH-CN của các cơ sở giáo dục đại học.

Khu vực duyên hải Nam Trung bộ được dự báo là vùng phát triển năng động, nhanh và bền vững, mạnh về kinh tế biển. Trong đó, Khánh Hoà trở thành thành phố trực thuộc Trung ương, trung tâm dịch vụ, du lịch biển quốc tế; là một cực tăng trưởng, trung tâm của khu vực duyên hải Nam Trung bộ, Tây Nguyên và cả nước về kinh tế biển, công nghiệp công nghệ cao, khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, đào tạo nguồn nhân lực và chăm sóc sức khoẻ chất lượng cao.

I. PHƯƠNG HƯỚNG VÀ CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU

1. PHƯƠNG HƯỚNG

Xây dựng Đảng bộ và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; nâng cao năng lực lãnh đạo; phát huy tinh thần đoàn kết, trách nhiệm, dân chủ và đổi mới trong mọi mặt hoạt động của Trường.

Tập trung đẩy mạnh thực hiện cơ chế tự chủ, chuyên đổi số, phát triển nguồn nhân lực và đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, trang thiết bị để thực hiện thành công mục tiêu đến năm 2030 trở thành đại học vùng, có uy tín trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, hàng đầu khu vực Đông Nam Á về lĩnh vực KH-CN biển và thủy sản.

2. CÁC MỤC TIÊU VÀ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

2.1. Các mục tiêu chủ yếu

Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của cấp uỷ, nâng cao chất lượng sinh hoạt đảng; đổi mới hoạt động, nâng cao vai trò của các tổ chức đoàn thể trong công tác vận động, tập hợp quần chúng; đề cao tính trách nhiệm, tiên phong, gương mẫu, chủ động, sáng tạo của đảng viên, viên chức nhất là người đứng đầu; đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát, phòng chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí.

Có hệ thống quản trị theo mô hình đại học đa lĩnh vực và vận hành theo cơ chế tự chủ; có hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong được hoàn chỉnh và vận hành hiệu quả; có thứ hạng cao trong các bảng xếp hạng cơ sở giáo dục đại học trong nước, hiện diện trong các bảng xếp hạng quốc tế có uy tín.

Có quy mô và chất lượng đào tạo đáp ứng tốt nhu cầu nhân lực chất lượng cao của khu vực Nam Trung bộ và Tây Nguyên; các ngành đào tạo thế mạnh được tiếp tục củng cố và phát huy; phát triển các ngành đào tạo mới phù hợp với xu thế và đáp ứng nhu cầu của khu vực.

Tập trung phát triển các lĩnh vực nghiên cứu có thế mạnh, gắn kết nghiên cứu với đào tạo và chuyển giao kết quả nghiên cứu vào thực tiễn. Có vai trò quan trọng trong nhận diện và giải quyết các vấn đề thực tiễn về KH-CN, đào tạo nguồn nhân lực và chuyển giao tri thức của quốc gia và trong khu vực Đông Nam Á, nhất là trong lĩnh vực khoa học - công nghệ biển và thủy sản.

Có hợp tác trong nước và quốc tế sâu rộng, có mạng lưới liên kết đa dạng và bền vững với các tổ chức đào tạo, nghiên cứu và doanh nghiệp; triển khai đa dạng các hình thức hợp tác với các đối tác quốc tế chiến lược trong lĩnh vực khoa học - công nghệ biển và thủy sản.

Có đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên có uy tín chuyên môn, đặc biệt trong lĩnh vực khoa học - công nghệ biển và thủy sản, có đội ngũ quản lý, hành chính, phục vụ tận tâm và chuyên nghiệp.

Có cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất đạt tiêu chuẩn Việt Nam, xanh và hiện đại đáp ứng các yêu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng, ưu tiên lĩnh vực KH-CN biển và thủy sản.

Có nguồn lực tài chính bền vững, đa dạng và được sử dụng hiệu quả; có hệ thống quản trị tài chính tuân thủ quy định, minh bạch và được kiểm soát tốt.

2.2. Các chỉ tiêu chủ yếu

- Đến năm 2030:

Trở thành đại học đa lĩnh vực, tự chủ, thuộc nhóm 20 trong bảng xếp hạng các cơ sở giáo dục đại học trong nước và hiện diện trong các bảng xếp hạng quốc tế có uy tín.

Quy mô đào tạo trên 25.000 SV; mở thêm ít nhất 10 ngành đào tạo; có 80% CTĐT đạt kiểm định, có ít nhất 5 CTĐT đạt chuẩn kiểm định quốc tế.

Có ít nhất 50% giảng viên có trình độ TS; số giáo sư, phó giáo sư hơn 25% tổng số giảng viên có trình độ TS.

Cơ sở vật chất đáp ứng tiêu chuẩn của cơ sở giáo dục đại học; trở thành đại học xanh và vận hành trên nền tảng số.

Có 3 đối tác chiến lược quốc tế mới, 3 chương trình liên kết đào tạo quốc tế, tỷ lệ giảng viên quốc tế đến Trường và giảng viên của Trường đi nước ngoài đạt tương ứng 1,5% và 10% tổng số GV, tỷ lệ trao đổi SV (hai chiều) đạt tối thiểu 1,5% tổng số SV của Trường.

Tỷ lệ công bố thuộc danh mục quốc tế uy tín 0,4 bài/ giảng viên/ năm, với hơn 50% tập trung vào lĩnh vực KHCN biển và thủy sản; có tối thiểu 5 hợp đồng chuyển giao công nghệ và dịch vụ KHCN.

- Hàng năm:

Đảng bộ và ít nhất 80% chi bộ hoàn tốt nhiệm vụ trở lên, trong đó 15% chi bộ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; kết nạp từ 35 - 40 đảng viên, trong đó 25 - 30 đảng viên là SV.

Có 3 dự án quốc tế về đào tạo, nâng cao năng lực và 5 đề tài, dự án hợp tác quốc tế về nghiên cứu khoa học.

Biên độ hoạt động trung bình của Nhà trường và các đơn vị tự hạch toán đạt trên 15%; chỉ số tăng trưởng bền vững của Nhà trường và các đơn vị tự hạch toán đạt trên 10%/ năm.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ

1.1. Công tác chính trị và tư tưởng, dân vận và đoàn thể, quốc phòng và an ninh

Phát huy truyền thống đoàn kết, dân chủ; phát triển môi trường sư phạm văn minh; nâng cao bản lĩnh chính trị, tinh thần trách nhiệm, chủ động sáng tạo của đảng viên, viên chức, người lao động và SV trong thực hiện nhiệm vụ chính trị của bản thân và Nhà trường.

Thực hiện hiệu quả công tác chỉ đạo, phối hợp giữa Đảng ủy, Hội đồng trường, Hiệu trưởng, các tổ chức đoàn thể và các đơn vị trong công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng; công tác phổ biến, quán triệt và triển khai thực hiện các nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy chế, các mặt hoạt động của Nhà trường cho toàn thể đảng viên, viên chức, người lao động và SV.

Thực hiện tốt công tác thể chế hóa, cụ thể hóa các nghị quyết của Đảng các cấp gắn với công tác học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, với thực hiện phong trào thi đua “Dân vận khéo” trên các mặt công tác.

Cấp ủy Đảng, các cấp chính quyền và tổ chức đoàn thể gặp, trao đổi (khi cần thiết, khi có nhu cầu) và định kỳ đối thoại với viên chức, người lao động và người học về các mặt hoạt động của Nhà trường.

Thực hiện hiệu quả, thực chất công tác giám sát và phản biện xã hội của các tổ chức đoàn thể, đặc biệt là các vấn đề liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của viên chức, người lao động và người học; khuyến khích, động viên đoàn viên, hội viên giám sát việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của đảng viên, cán bộ lãnh đạo, đặc biệt là người đứng đầu.

Thực hiện tốt công tác lãnh đạo của cấp ủy Đảng đối với công tác quốc phòng và an ninh, chú trọng công tác đảm bảo an ninh phi truyền thống.

1.2. Công tác tổ chức Đảng và đảng viên

Tổ chức tập huấn nâng cao năng lực lãnh đạo đối với đội ngũ cán bộ cấp ủy và viên chức quản lý các cấp.

Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, đổi mới phương thức quản trị của Hội đồng trường và năng lực quản lý, điều hành của Ban Giám hiệu phù hợp với bối cảnh đầy mạnh tự chủ của Nhà trường.

Tổ chức các lớp bồi dưỡng đảng viên mới và lớp bồi dưỡng kết nạp Đảng. Chú trọng công tác bồi dưỡng, phát triển Đảng trong đội ngũ cán bộ Đoàn - Hội, SV có kết quả học tập tốt, rèn luyện tốt, tổ chức kết nạp Đảng tại mặt trận tình nguyện.

1.3. Công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật

Đẩy mạnh công tác giám sát đối với tổ chức đảng và đảng viên, kịp thời nhắc nhở, cảnh tỉnh, không để xảy ra những sai phạm phải kiểm tra, xử lý; chủ động phát hiện và kiểm tra tổ chức đảng và đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm; phát huy vai trò của các cấp ủy chi bộ trong xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát; tập trung kiểm tra, giám sát vào những lĩnh vực nhạy cảm dễ phát sinh tiêu cực như công tác cán bộ, quản lý tài chính, tài sản, quản lý đào tạo, trong đạo đức, lối sống.

Tăng cường sự phối hợp giữa hoạt động kiểm tra, giám sát của Ủy ban Kiểm tra Đảng uỷ với hoạt động kiểm tra, giám sát của Ủy ban Kiểm tra Công đoàn Trường, hoạt động kiểm tra, giám sát của Ban Thanh tra nhân dân và hoạt động thanh tra, kiểm tra của Phòng Thanh tra - Pháp chế theo đúng chức năng và thẩm quyền, phối hợp với Ủy ban kiểm tra Đảng uỷ Quân sự tỉnh Khánh Hòa trong kiểm tra, giám sát các đảng viên sĩ quan biệt phái tại Trường.

Tăng cường việc bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ kiểm tra, giám sát cho đội ngũ thông qua việc mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng hoặc cử đảng viên tham gia các lớp do cấp uỷ, ủy ban kiểm tra cấp trên tổ chức; xem xét việc bố trí cán bộ chuyên trách đối với công tác kiểm tra, giám sát để tăng tính chuyên nghiệp.

2. LÃNH ĐẠO THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CHÍNH TRỊ

2.1. Công tác đào tạo và sinh viên

Hoàn thiện triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục của trường phù hợp với bối cảnh

mới, chú ý phát triển năng lực tư duy, năng lực thực hành, năng lực số và năng lực Tiếng Anh của người học. Trên cơ sở đó, rà soát, hoàn thiện CTĐT ở các trình độ đáp ứng chuẩn chương trình các khối ngành của Việt Nam và từng bước đáp ứng chuẩn quốc tế.

Phát triển các ngành đào tạo trong lĩnh vực hiện có của trường, các ngành đào tạo mà khu vực có nhu cầu, các ngành đào tạo mới trong lĩnh vực kinh tế số, kỹ thuật công nghệ cao và trí tuệ nhân tạo (AI). Tiếp tục phát triển các CTĐT đặc biệt (đào tạo bằng tiếng Anh, đào tạo theo đặt hàng từ doanh nghiệp), các CTĐT liên ngành, xuyên ngành, các chương trình liên kết quốc tế, các CTĐT từ xa đáp ứng nhu cầu khu vực. Tăng cường hợp tác với doanh nghiệp trong xây dựng CTĐT, tổ chức thực tập, thực tế, mời doanh nhân, chuyên gia tham gia giảng dạy, hướng dẫn đồ án, khóa luận tốt nghiệp.

Hoàn thiện tiêu chuẩn, quy trình tuyển sinh; chuyên nghiệp hóa hoạt động tư vấn hướng nghiệp và quảng bá tuyển sinh; tăng cường gắn kết với ngành giáo dục và các trường trung học phổ thông trong khu vực.

Tiếp tục cải tiến phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá theo hướng tăng cường ứng dụng công nghệ số, AI; khuyến khích áp dụng các phương pháp dạy học tích cực như dạy học dựa trên dự án, dạy học kết hợp (blended learning), dạy học qua trải nghiệm và dạy học lồng ghép tiếng Anh, từng bước đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học; đổi mới triệt để hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả học tập theo CDR.

Đẩy mạnh đào tạo sau đại học tương xứng với năng lực đào tạo; tăng cường gắn kết đào tạo sau đại học với hoạt động nghiên cứu khoa học; hoàn thiện hệ thống chính sách hỗ trợ người học trình độ ThS và TS.

Tiếp tục chuyên nghiệp hóa và đa dạng hóa hoạt động hỗ trợ SV; cải tiến hình thức đánh giá và ghi nhận mức độ rèn luyện của SV thông qua các hoạt động gắn kết và phục vụ cộng đồng. Triển khai một số các giải pháp đồng bộ để khuyến khích SV tham gia các dự án nghiên cứu, hoạt động đổi mới sáng tạo. Hỗ trợ SV phát triển ý tưởng sáng tạo và khởi nghiệp. Tiếp tục phát triển mạng lưới cựu SV và tăng cường gắn kết cựu SV trong các hoạt động của Nhà trường.

Xây dựng môi trường học tập hiện đại, sáng tạo, hội nhập quốc tế và gắn kết liên ngành, với nghiên cứu khoa học và với cộng đồng, doanh nghiệp. Nâng cấp nền tảng dạy học trực tuyến và phát triển nguồn học liệu số đáp ứng nhu cầu đào tạo và hỗ trợ SV. Chuyển đổi số toàn diện trong tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo, hỗ trợ SV.

2.2. Công tác khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Rà soát, bổ sung và điều chỉnh các chính sách hỗ trợ hoạt động nghiên cứu khoa học (các thiết chế chuyên môn, phân cấp thực hiện nhiệm vụ đến các đơn vị trong hoạt động KHCN và đổi mới sáng tạo), tập trung vào đội ngũ giảng viên đang học cao học, làm NCS trong và ngoài nước, cũng như học viên cao học và NCS tại Trường. Xây dựng cơ chế quản lý KHCN, đổi mới sáng tạo linh hoạt, hiệu quả, tạo động lực cho hoạt động nghiên cứu, sáng tạo. Khuyến khích công bố khoa học trên các tạp chí uy tín bằng các hình thức khen thưởng, hỗ trợ kinh phí. Tập trung hỗ trợ các nhà nghiên cứu trong việc đăng ký tài sản trí tuệ thông qua việc tư vấn, hướng dẫn thủ tục, hỗ trợ kinh phí và liên kết với các tổ chức

chuyên nghiệp. Phát triển Tạp chí Khoa học - Công nghệ thủy sản phù hợp với Đại học vùng, đa ngành.

Đẩy mạnh kết nối, hợp tác với các Bộ, Ngành, địa phương, hiệp hội, các trường đại học, viện nghiên cứu, doanh nghiệp trong và ngoài nước để ứng dụng kết quả nghiên cứu, chuyển giao công nghệ và cung cấp dịch vụ KHCN, ưu tiên lĩnh vực khoa học - công nghệ biển và thủy sản. Phấn đấu gia tăng số lượng đề tài cấp quốc gia, tỉnh, và hợp đồng nghiên cứu hợp tác với doanh nghiệp, các trường, viện trong nước và quốc tế. Xây dựng hệ sinh thái gắn kết nghiên cứu khoa học với chuyển giao công nghệ, khởi nghiệp với sự tham gia tích cực của các nhà khoa học, các doanh nghiệp.

Đa dạng hóa nguồn vốn đầu tư cho nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo (ngân sách nhà nước, tài trợ doanh nghiệp, xã hội hóa, tài trợ quốc tế...).

Xác định các hướng nghiên cứu khoa học chuyên sâu trong lĩnh vực khoa học - công nghệ biển và thủy sản. Khuyến khích và tạo điều kiện cho các nhóm nghiên cứu liên ngành, giải quyết các vấn đề phức tạp. Mở rộng hợp tác quốc tế trong nghiên cứu thông qua các dự án hợp tác, trao đổi học thuật, đồng hướng dẫn NCS, đồng công bố quốc tế.

Hình thành không gian khởi nghiệp gắn kết với đơn vị sử dụng lao động, tạo điều kiện để giảng viên và SV tham gia các dự án khởi nghiệp. Đẩy mạnh các hoạt động đổi mới sáng tạo, thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp trong Nhà trường.

Rà soát và xây dựng cơ chế cụ thể, đồng bộ để khuyến khích và hỗ trợ chuyển giao các kết quả nghiên cứu thành dự án khởi nghiệp, thương mại hóa các kết quả nghiên cứu, tạo ra các sản phẩm, dịch vụ có giá trị kinh tế - xã hội; hỗ trợ thành lập các cơ sở chuyển giao công nghệ và đơn vị tự chủ gắn với khởi nghiệp trong trường đại học. Tăng cường khai thác cơ sở vật chất để phục vụ dự án khởi nghiệp, đồng thời phân bổ kinh phí hợp lý nhằm thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp. Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích và hỗ trợ thương mại hóa các kết quả nghiên cứu KHCN, tạo ra các sản phẩm, dịch vụ có giá trị kinh tế - xã hội.

2.3. Công tác hợp tác đối ngoại và phục vụ cộng đồng

Hoàn thiện các chính sách, cơ chế quản lý và hệ thống văn bản quản lý liên quan đến hoạt động hợp tác đối ngoại và phục vụ cộng đồng, đảm bảo tính thống nhất và đồng bộ. Xây dựng cơ chế phân công trách nhiệm và quyền hạn rõ ràng đến từng cá nhân, đơn vị trong việc triển khai các hoạt động này, tạo sự chủ động và trách nhiệm trong công việc.

Triển khai các giải pháp đồng bộ với sự phối hợp chặt chẽ giữa các bên liên quan để đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong đào tạo, nghiên cứu khoa học, và trao đổi giảng viên, SV. Ký kết và triển khai tổng thể các hoạt động hợp tác với các đối tác chiến lược; tập trung mọi nguồn lực, phát huy thế mạnh liên ngành của Nhà trường để xây dựng một số đề tài, dự án quốc tế có quy mô lớn để giải quyết các vấn đề về khoa học, công nghệ biển, thủy sản của khu vực và quốc tế.

Tập trung phát triển các CTĐT bằng tiếng Anh có sự tham gia giảng dạy của chuyên gia quốc tế; đẩy mạnh hoạt động liên kết đào tạo sau đại học với nước ngoài đạt chuẩn khu

vực và quốc tế; triển khai các chương trình liên kết đào tạo quốc tế ở bậc đại học (3+1, 2+2); nâng cao chất lượng, số lượng lưu học sinh Lào.

Xây dựng Đề án triển khai hoạt động gắn kết và phục vụ cộng đồng, Đề án Quản trị thương hiệu Nhà trường, lồng ghép hoạt động phục vụ cộng đồng trong xây dựng và triển khai các CTĐT; tăng cường chuyển đổi số, đầu tư cơ sở vật chất và nguồn lực phục vụ các hoạt động hợp tác đối ngoại và phục vụ cộng đồng.

Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng các phong trào tình nguyện, từ thiện xã hội vì cuộc sống cộng đồng; tăng cường các hoạt động tình nguyện tại chỗ, góp phần xây dựng trường học thân thiện, người học tích cực. Hợp tác với cộng đồng địa phương, doanh nghiệp để hợp tác triển khai nghiên cứu và chuyển giao sản phẩm KHCN, giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội của khu vực và cả nước.

2.4. Công tác bảo đảm chất lượng

Hoàn thiện hệ thống bảo đảm chất lượng Nhà trường theo Khung bảo đảm chất lượng giáo dục đại học và phù hợp với thông lệ quốc tế. Hoàn thiện hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu bảo đảm chất lượng và công khai thông tin bảo đảm chất lượng theo quy định.

Tích hợp công tác bảo đảm chất lượng trong mọi mặt hoạt động của Nhà trường. Thực hiện cải tiến liên tục ở mọi cấp và trong hoạt động của mỗi cá nhân, đầu tư thích đáng cho các hoạt động cải tiến chất lượng các mặt hoạt động của Nhà trường sau kiểm định.

Nâng cao nhận thức trong đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên và người học về liên chính học thuật và hoàn thiện hệ thống đảm bảo liên chính học thuật toàn diện trong bối cảnh ứng dụng AI trở nên phổ biến.

Nâng cao nhận thức, tăng cường đào tạo bồi dưỡng cho toàn bộ đội ngũ về công tác bảo đảm chất lượng, huy động sự tham gia tích cực của các bên liên quan trong và ngoài Nhà trường đối với hoạt động cải tiến chất lượng.

Chủ động tham gia các bảng xếp hạng cơ sở giáo dục đại học trong nước, lựa chọn và tham gia bảng xếp hạng quốc tế có uy tín về tác động xã hội, phát triển bền vững và chuyển đổi xanh.

Thực hiện kiểm định toàn bộ CTĐT theo chu kỳ quy định và triển khai thực hiện kiểm định CTĐT theo chuẩn quốc tế, ưu tiên các ngành có thế mạnh hoặc đào tạo bằng tiếng nước ngoài.

Thực hiện chuyển đổi số triệt để công tác bảo đảm chất lượng, kiểm định chất lượng và xếp hạng Nhà trường.

2.5. Công tác quản trị, tổ chức và nhân sự

Rà soát, hoàn thiện và triển khai thực hiện Chiến lược phát triển Trường Đại học Nha Trang đến năm 2030, tầm nhìn 2045 trong giai đoạn 2026 - 2030 với mục tiêu trở thành đại học vùng phù hợp với Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và sư phạm thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Định hình tổ chức bộ máy mới gắn với với lộ trình trở thành đại học vùng với các trường thành viên, nòng cốt là các khoa/ viện đào tạo hiện có của Trường và tính đến khả

năng tiếp nhận một số cơ sở giáo dục đại học khác trên địa bàn theo quyết định của Nhà nước. Hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ chế phối hợp giữa Đảng uỷ, Hội đồng trường và Hiệu trưởng nhằm phát huy vai trò của mỗi chủ thể đóng góp cho sự phát triển của Nhà trường. Hoàn thiện cơ chế tự chủ, giao chỉ tiêu - nhiệm vụ, tăng cường phân cấp, phân quyền gắn với trách nhiệm giải trình đến các đơn vị thuộc và trực thuộc. Thành lập mới và chuyển đổi một số đơn vị sang làm dịch vụ tự bảo đảm chi thường xuyên. Cập nhật hệ thống văn bản quản lý và đảm bảo hệ thống văn bản để vận hành khi chuyển thành đại học.

Hoàn thiện các thiết chế chuyên môn nhằm huy động sự tham gia, đóng góp và phát huy tiềm năng sáng tạo của đội ngũ chuyên môn trong thực hiện những nhiệm lớn, nhiều thách thức về đào tạo, nghiên cứu, hợp tác quốc tế và hỗ trợ cộng đồng.

Xây dựng hệ thống thông tin quản lý tích hợp mọi mặt hoạt động, số hoá toàn bộ quy trình quản lý thiết yếu, đẩy mạnh ứng dụng AI trong quản lý và vận hành Nhà trường.

Tạo không khí dân chủ, khoa học và hợp tác trong các hoạt động của Nhà trường. Thực hiện tốt công tác truyền thông, công khai, minh bạch và huy động sự tham gia tích cực của mọi thành viên đối với các hoạt động của Nhà trường. Hoàn thiện công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nội bộ, quản trị rủi ro, phòng chống tham nhũng, tiêu cực và lãng phí.

Tiếp tục rà soát, hoàn thiện vị trí việc làm, chế độ làm việc của từng hạng viên chức, người lao động; cải tiến việc đánh giá, ghi nhận mức độ đóng góp của viên chức, người lao động và triển khai trả lương, thưởng theo vị trí việc làm và khối lượng công việc.

Xây dựng cơ chế, chính sách mạnh trong việc thu hút, đào tạo, bồi dưỡng và đãi ngộ đối với chuyên gia, nhà khoa học có tầm ảnh hưởng, đội ngũ có trình độ cao nhằm phát huy năng lực, tâm huyết của giảng viên, nhà khoa học qua đó tập hợp, thu hút đội ngũ chuyên môn trong và ngoài trường để phát triển và nâng cao uy tín của ngành, đặc biệt trong các lĩnh vực mà trường có lợi thế và thế mạnh.

Làm tốt công tác đánh giá, quy hoạch, bồi dưỡng, bổ nhiệm đội ngũ các bộ quản lý có năng lực quản trị, chuyên nghiệp và năng động để vận đại học trong bối cảnh tự chủ. Rà soát, đánh giá thực trạng đội ngũ viên chức hành chính, phục vụ làm cơ sở để sàng lọc, luân chuyển, chuẩn hóa theo vị trí việc làm và xây dựng chế độ thỏa đáng để họ gắn bó và tận tâm với công việc.

2.6. Công tác tài chính và tài sản

Rà soát, đánh giá, xác định tổng nhu cầu và kế hoạch đầu tư cơ sở hạ tầng (bao gồm hạ tầng số), cơ sở vật chất và trang thiết bị giai đoạn 2026 - 2030 đáp ứng yêu cầu nâng cấp lên đại học vùng và yêu cầu phát triển đào tạo và nghiên cứu đến năm 2030.

Triển khai quy hoạch xây dựng 1/500 cho toàn bộ khuôn viên cơ sở chính và các cơ sở khác theo định hướng phát triển cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất đến năm 20230. Tích cực làm việc với chính quyền tỉnh Khánh Hòa và các địa phương lân cận để phát triển quỹ đất nhằm mở rộng không gian phát triển của Trường.

Tích cực tham gia và triển khai Đề án nâng cấp Trường Đại học Nha Trang theo Nghị quyết 26 của Bộ Chính trị và Đề án nâng cấp Trường Đại học Nha Trang thành Đại học

vùng theo Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và sư phạm thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, trong đó trọng tâm là hoàn thiện cơ sở hạ tầng (bao gồm hạ tầng số), cơ sở vật chất tại cơ sở chính và xây dựng hệ thống phòng thí nghiệm hiện đại phục vụ đào tạo, nghiên cứu trong lĩnh vực KHCN biển và thủy sản.

Xây dựng chính sách thu hút các nguồn vốn đầu tư phát triển Nhà trường; sử dụng hiệu quả nguồn vốn đầu tư trung hạn của Nhà nước, các nguồn vốn khác của nhà nước, quỹ phát triển sự nghiệp của trường và đóng góp của cộng đồng, doanh nghiệp để cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng và trang thiết bị đáp ứng các tiêu chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật, tiêu chuẩn đại học xanh và đại học số.

Tăng cường đầu tư trang thiết bị đồng bộ và hiện đại cho các phòng thí nghiệm chuyên sâu, tập trung vào các lĩnh vực nghiên cứu thế mạnh. Thúc đẩy liên kết với các viện, trường trên địa bàn Khánh Hòa để khai thác hiệu quả nguồn lực hiện có, tối ưu hóa cơ sở vật chất phục vụ nghiên cứu.

Hoàn thiện mô hình quản trị cơ sở hạ tầng và trang thiết bị của trường theo hướng tách bạch giữa quản lý và sử dụng, nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản và được số hóa triệt để. Tăng cường công tác quản lý tài sản vô hình và nâng cao hiệu quả sử dụng và khai thác tài sản trí tuệ của Trường.

Xây dựng và triển khai kế hoạch tài chính trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 đáp ứng chiến lược phát triển của trường đến năm 2030. Hoàn thiện Quy chế tài chính, từng bước phân cấp tài chính đến các đơn vị gắn với tăng cường kiểm soát hoạt động tài chính cấp trường và cấp đơn vị đảm bảo đúng quy định và minh bạch.

Hoàn thiện hệ thống định mức kinh tế - kỹ thuật làm cơ sở xác định chi phí, mức đầu tư, giá dịch vụ và học phí các CTĐT. Xây dựng và triển khai Đề án học phí giai đoạn tự chủ 2026 - 2030. Hoàn thiện và tiếp tục triển khai Đề án phát triển nguồn thu từ các hoạt động ngoài đào tạo.

Tiếp tục hoàn thiện cơ chế tự chủ tài chính đối với các đơn vị trực thuộc (hạch toán độc lập) theo hướng minh bạch về tài chính, tạo thuận lợi cho đơn vị phát triển bền vững và có đóng góp tương xứng với sự hỗ trợ và đầu tư của Nhà trường.

Xây dựng và triển khai Đề án trả lương, thưởng gắn với vị trí việc làm và khối lượng công việc và đóng góp của viên chức, người lao động.

KẾT LUẬN

Với phương châm đoàn kết, trách nhiệm, dân chủ và đổi mới, Ban Chấp hành Đảng bộ Trường Đại học Nha Trang kêu gọi toàn thể đảng viên, viên chức và người lao động ra sức phấn đấu để đưa Nhà trường thành đại học vùng, có uy tín trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, hàng đầu khu vực Đông Nam Á về lĩnh vực khoa học, công nghệ biển và thủy sản đến năm 2030.

PHỤ LỤC

I. CÔNG TÁC PHÁT TRIỂN NGÀNH, CHUYÊN NGÀNH, CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TT	NỘI DUNG	GHI CHÚ
A	Công tác phát triển ngành, chuyên ngành, chương trình đào tạo	
I	Tiến sĩ	
1	Kỹ thuật Cơ khí	
2	Công nghệ Thực phẩm	
3	Quản trị kinh doanh	
4	Công nghệ Sinh học	
5	Kinh tế và quản lý tài nguyên biển	
II	Thạc sĩ	
1	Kế toán	
2	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	
III	Đại học	
3.1	<i>Ngành mới</i>	
1	Khoa học thủy sản	
2	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
3	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	
4	Kiểm toán	
5	Kỹ thuật biển	
6	Khoa học máy tính	
3.2	<i>Chuyên ngành</i>	
1	Khoa học dinh dưỡng và ẩm thực	
2	Song ngữ Anh - Trung	
3	Quản lý hàng hải và Logistic	
4	Thiết kế và chế tạo số	
5	Quản lý môi trường và an toàn vệ sinh lao động	
6	Quản lý kinh tế	

TT	NỘI DUNG	GHI CHÚ
7	Công nghệ tài chính	
3.3	Chương trình đào tạo đặc biệt	
1	Kế toán (POHE)	
2	Nuôi trồng thủy sản (Chương trình Minh Phú - NTU)	
3	Công nghệ chế biến thủy sản (Chương trình Minh Phú - NTU)	
4	Công nghệ sinh học (Chương trình Minh Phú - NTU)	
3.4	Xây dựng kế hoạch đào tạo linh hoạt 3,5 năm cho 8 ngành	Đang thực hiện
B	Công tác rà soát, cập nhật chương trình đào tạo	
1	Rà soát, cập nhật CTĐT 36 ngành đào tạo đại học (7 CTĐT đặc biệt), 17 ngành đào tạo ThS và 11 ngành đào tạo TS	
2	Triển khai đánh giá người học đáp ứng CDR của 8 ngành đào tạo sau kiểm định thông qua xác định PI và học phần cốt lõi	
3	Rà soát, cải tiến hoạt động dạy - học, kiểm định, đánh giá 18 ngành sau kiểm định	
4	Xây dựng mới và cập nhật 42 CTĐT liên thông, bằng hai	

II. CÔNG TÁC TUYỂN SINH ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY

TT	Thông số thống kê	NĂM					Trung bình/ năm	So sánh với chỉ tiêu đề ra
		2020	2021	2022	2023	2024		
I	Tổng nhập học (SV)	3.649	3.589	3.106	4.010	4.472	> 3.700 (8%/năm)	Đạt
II	Nhóm ngành khoa học - công nghệ thủy sản (SV)							
1	Khai thác thủy sản	13	6	0	28	24	18	Đạt
2	Quản lý thủy sản	50	44	32	28	31	37	
3	Công nghệ chế biến thủy sản	25	25	65	85	79	56	
4	Nuôi trồng thủy sản	101	94	161	137	99	118	
III	Tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn (%)	-	69,1	65,0	69,3	67,3	67,6	Cơ bản đạt

TT	Thông số thống kê	NĂM					Trung bình/ năm	So sánh với chỉ tiêu đề ra
		2020	2021	2022	2023	2024		
IV	Tỷ lệ SV bị thôi học dưới 3%/năm							
1	Cách tính theo NTU	1,5	6,08	1,76	1,86	-	2,87	Đạt
2	Cách tính theo TT01	6,08	3,15	1,76	1,86	-	3,21	
V	Tỷ lệ SV có việc làm sau 1 năm tốt nghiệp (%)	72,1	83,8	92,3	92,6	-	85,2	Đạt

III. CÔNG TÁC TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC

Kết quả tuyển sinh nghiên cứu sinh từ 2020 - 2024 và quy mô đào tạo hiện nay

TT	Ngành	Khóa					Tổng tuyển các năm	Quy mô NCS
		2020	2021	2022	2023	2024		
1	Nuôi trồng thủy sản	3	1	0	0	2	6	11
2	Khai thác thủy sản	0	0	0	0	2	2	3
3	Kỹ thuật cơ khí động lực	0	0	1	1	0	2	2
4	Kỹ thuật tàu thủy	0	0	0	0	0	0	0
5	Công nghệ chế biến thủy sản	0	0	0	0	0	0	1
6	Công nghệ sau thu hoạch	0	0	0	0	0	0	1
7	Công nghệ thực phẩm	0	1	1	1	1	4	4
8	Quản trị kinh doanh	0	2	1	1	8	12	12
9	Kỹ thuật cơ khí	0	1	0	0	1	2	2
10	Công nghệ sinh học	0	3	1	2	2	8	8
11	Kinh tế và Quản lý tài nguyên biển	0	0	8	0	2	10	9
TỔNG		3	8	12	5	18	46	53

Kết quả tuyển sinh thạc sĩ từ 2020 - 2024 và quy mô đào tạo hiện nay

TT	Ngành/chuyên ngành	2020	2021	2022	2023	2024	Tổng các năm	Quy mô học viên
1	Nuôi trồng thủy sản	8	6	15	13	6	48	35
2	Công nghệ sinh học	10	8	9	13	12	44	38
3	Công nghệ thực phẩm	5	0	5	2	0	12	9
4	Công nghệ Chế biến thủy sản	0	0	0	0	8	8	7
5	Khai thác thủy sản	0	0	0	0	0	0	0
6	Quản lý thủy sản	52	9	3	8	9	81	25
7	Kỹ thuật cơ khí	0	1	0	16	7	24	24
8	Kỹ thuật ô tô	0	3	4	2	16	25	19
9	Kỹ thuật cơ khí động lực	8	4	1	4	1	18	11
10	Kỹ thuật tàu thủy	0	0	1	0	0	1	0
11	Công nghệ thông tin	8	5	7	5	0	25	24
12	Quản trị kinh doanh	19	41	36	46	53	195	169
13	Kinh tế phát triển	1	3	2	16	1	23	14
14	Quản lý kinh tế	26	58	41	49	24	198	158
15	Công nghệ sau thu hoạch	0	1	0	0	0	1	0
17	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	0	10	19	14	15	58	41
18	Kế toán	0	3	24	24	10	61	39
Tổng		137	144	167	212	162	822	613

IV. DANH SÁCH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐÃ KIỂM ĐỊNH VÀ CHUẨN BỊ KIỂM ĐỊNH

TT	Tên chương trình đào tạo	Kết quả kiểm định	Số, ngày quyết định cấp giấy chứng nhận	Thời hạn kiểm định	Tổ chức kiểm định
1	Kỹ thuật tàu thủy	Đạt	12/QĐ-TTKĐ ngày 26/04/2020	26/04/2025	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia TP.HCM
2	Công nghệ chế biến thủy sản	Đạt	13/QĐ-TTKĐ ngày 26/04/2020		
3	Công nghệ sinh học	Đạt	49/QĐ-TTKĐ ngày 15/05/2022	15/05/2027	

TT	Tên chương trình đào tạo	Kết quả kiểm định	Số, ngày quyết định cấp giấy chứng nhận	Thời hạn kiểm định	Tổ chức kiểm định
4	Nuôi trồng thủy sản	Đạt	50/QĐ-TTKĐ ngày 15/05/2022		
5	Quản trị kinh doanh	Đạt	200/QĐ-KĐCLGDTL ngày 28/04/2023	28/04/2028	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long
6	Kế toán	Đạt	201/QĐ-KĐCLGDTL ngày 28/04/2023		
7	Công nghệ thông tin	Đạt	202/QĐ-KĐCLGDTL ngày 28/04/2023		
8	Quản trị khách sạn	Đạt	203/QĐ-KĐCLGDTL ngày 28/04/2023		
9	Quản lý thủy sản	Đạt	354/QĐ-CEA.UD ngày 05/09/2024	05/09/2029	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Đà Nẵng
10	Công nghệ thực phẩm	Đạt	355/QĐ-CEA.UD ngày 05/09/2024		
11	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Đạt	356/QĐ-CEA.UD ngày 05/09/2024		
12	Kỹ thuật cơ khí	Đạt	Đã thực hiện đánh giá ngoài và được Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục thuộc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long thẩm định đánh giá chất lượng, kết quả 100% thành viên Hội đồng đồng ý CTĐT đạt chuẩn kiểm định. Đang đợi bước công khai kết quả và cấp giấy chứng nhận.		
13	Kinh doanh thương mại	Đạt			
14	Kỹ thuật xây dựng	Đạt			
15	Kỹ thuật Ô tô	Đạt			
16	Tài chính ngân hàng	Đạt			
17	Ngôn ngữ Anh	Đạt			
18	Kỹ thuật điện	Đang đợi kết quả đánh giá ngoài			
19	Kinh tế phát triển	Đã hoàn thành giá ngoài vào tháng 01/2025			
20	Marketing				
21	Luật				
22	Khoa học hàng hải				
23	Kỹ thuật cơ điện tử				

TT	Tên chương trình đào tạo	Kết quả kiểm định	Số, ngày quyết định cấp giấy chứng nhận	Thời hạn kiểm định	Tổ chức kiểm định
24	Kỹ thuật nhiệt				
25	Hệ thống thông tin quản lý				

V. CÔNG TÁC TỔ CHỨC NHÂN SỰ

Bảng 1. So sánh quy mô nhân sự đầu nhiệm kỳ (7/2020) và cuối nhiệm kỳ (thời điểm tính 02/2025)

Tổng số viên chức - người lao động đầu kỳ	Số viên chức - người lao động nghỉ hưu, thôi việc, từ trần trong kỳ	Số tuyển mới trong kỳ	Tổng số viên chức - người lao động cuối kỳ
649	80	95	632*

* Trong số 632 viên chức - người lao động tính đến tháng 02/2025 không bao gồm 6 sĩ quan biệt phái và 25 hợp đồng vệ sinh môi trường không đưa vào tính tỷ lệ chất lượng đội ngũ, vì không thể quy hoạch chuyên môn để bồi dưỡng nâng cao trình độ.

Bảng 2. Số liệu đội ngũ viên chức - người lao động Nhà trường tại thời điểm tháng 07/2020 và tháng 02/2025

Năm	Chức danh nghề nghiệp		Giới tính	
	Giảng viên	Viên chức hành chính	Viên chức nữ	Viên chức nam
7/2020	478/650 (73,5%)	172/639 (26,5%)	301/650 (46%)	349/650 (54%)
02/2025	450/632 (71,2%)	183 (28,9%)	315 (49,8%)	317 50,2(%)

Bảng 3: So sánh trình độ chuyên môn của đội ngũ viên chức - người lao động đầu nhiệm kỳ và cuối nhiệm kỳ (tính đến tháng 02/2025)

Thời gian	Tổng số viên chức - người lao động	GS	PGS	TS	ThS	ĐH/CĐ/TC
Tháng 7/2020	649	0	21	126	350	147
Tháng 02/2025	632	2	33	186*	319	98

* Trong 186 TS, có 182 giảng viên, nghiên cứu viên; 4 TS đang giữ chức danh kỹ sư, chuyên viên. Tổng số viên chức đạt học vị TS trong toàn nhiệm kỳ là 66 người (tuy nhiên trong toàn nhiệm kỳ có 12 GV có trình độ TS đã nghỉ hưu, thôi việc, từ trần; có 05 PGS nghỉ hưu và 01 PGS xin thôi việc).

Ngoài ra, hiện nay (02/2025) có 02 giảng viên đã bảo vệ thành công luận án TS đang chờ quyết định công nhận học vị và cấp bằng; 07 giảng viên đã bảo vệ thành công luận án TS cấp cơ sở, dự kiến hoàn thành trong quý II năm 2024. Số này chưa đưa vào thống kê; sẽ tiếp tục cập nhật trong quá trình hoàn thiện báo cáo chính trị của Đại hội.

Bảng 4. Số lượng viên chức quản lý

	Đầu nhiệm kỳ (07/2020)		Cuối nhiệm kỳ (tính đến 02/2025)	
	Tổ chức bộ máy	Số lượng viên chức quản lý	Tổ chức bộ máy	Số lượng viên chức quản lý
Cấp Trường	Hội đồng trường	1	Hội đồng trường	2
	Hiệu trưởng	1	Hiệu trưởng	0

VI. CÔNG TÁC KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO**1. Số lượng nhiệm vụ KHCN các cấp giai đoạn 2020 - 2024**

Nội dung	Số lượng nhiệm vụ	Nhiệm vụ KHCN thuộc lĩnh vực khoa học công nghệ biển và thủy sản	
		Số lượng	Tỷ lệ %
Đề tài/dự án cấp Nhà nước, Quốc gia	2	1	50,00%
Đề tài NAFOSTED	13	6	46,15%
Đề tài cấp Bộ	35	29	82,86%
Đề tài cấp tỉnh	9	9	100,00%
Đề tài, dự án Quốc tế (có thực hiện nghiên cứu do P.KHCN quản lý)	4	1	25,00%
Dự án Vingroup	2	1	50,00%
Đề tài cấp Trường	174	46	26,44%
Đề tài SV	283	78	27,56%
Tổng cộng	522	171	32,76%

2. Một số chỉ tiêu chủ yếu về khoa học công nghệ

Tiêu chí	2020	2021	2022	2023	2024	Trung bình giai đoạn 2020 - 2024
Số lượng đề tài/giảng viên	0,12	0,06	0,12	0,09	0,14	0,10
Số lượng bài báo đăng trên Tạp chí khoa học trong nước/ giảng viên	0,27	0,35	0,33	0,36	0,34	0,33
Số lượng bài báo đăng trên Tạp chí khoa học quốc tế/ giảng viên	0,22	0,27	0,28	0,26	0,30	0,26
Hợp đồng chuyển giao công nghệ mới được triển khai/ năm	1	3	4	2	2	2,40